

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

Mục 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên gói thầu: **Thuê xe xã hội vận chuyển hàng Bưu chính tuyến đường thư Yên Thế - Bắc Giang - Hà Nội và tuyến Bắc Giang - Lục Ngạn - Hà Nội**;;

- Thời gian thực hiện từ 01/05/2026 đến hết 31/12/2026 là 8 tháng. Trường hợp cấp trên có thay đổi phương án tổ chức sản xuất lại thì Bưu điện tỉnh thông báo bằng văn bản trước 5 ngày để 2 bên thỏa thuận dừng hợp đồng.

Tuyến **Yên Thế - Bắc Giang - Hà Nội** quãng đường 102km:

+ Loại xe: Ô tô tải thùng kín.

+ Phương tiện đảm bảo đủ điều kiện hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định hiện hành của pháp luật.

+ Trọng tải: Ô tô trọng tải từ 6 tấn; Thể tích thùng từ 53m³.

+ Tần suất giao nhận: 01 chuyến/ngày tăng cường khi có sản lượng phát sinh.

+ Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 7 căn cứ sản lượng phát sinh tại đơn vị, có thể tăng giảm chuyến.

Tuyến **Bắc Giang - Lục Ngạn - Hà Nội** quãng đường 151km:

+ Loại xe: Ô tô tải thùng kín.

+ Phương tiện đảm bảo đủ điều kiện hoạt động kinh doanh vận tải theo quy định hiện hành của pháp luật.

+ Trọng tải: Ô tô trọng tải từ 6 tấn; Thể tích thùng từ 53m³.

+ Tần suất giao nhận: 01 chuyến/ngày tăng cường khi có sản lượng phát sinh.

+ Thời gian: Từ thứ 2 đến chủ nhật căn cứ sản lượng phát sinh tại đơn vị, có thể tăng giảm chuyến:

2. Phạm vi, quy mô:

STT	Tên chuyến thư	Số chuyến	Ghi chú
		Xe từ 6 tấn khối tích thùng từ 53m ³	
1	Yên Thế - Bắc Giang - Hà Nội	210	
2	Bắc Giang - Lục Ngạn - Hà Nội	245	

Mục 2. Mục tiêu công việc: Ổn định tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ, hỗ trợ công tác kinh doanh, tăng trưởng của dịch vụ BCCP.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Yêu cầu chung: Nhà thầu cam kết đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;
- **Bố trí phương tiện: 02 xe; số lượng phương tiện dự phòng: 01 xe;**
- Bố trí phương tiện theo đúng chủng loại xe từ 6 tấn, dung tích thùng xe từ 53m³ và thùng xe phải sạch sẽ, kín, đảm bảo an toàn cho hàng Bru chính, đến đúng địa điểm giao nhận hàng theo thời gian quy định. Các điểm giao/nhận hàng có thể điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu điều hành của chủ đầu tư;
- Vận chuyển và bàn giao hàng Bru chính đến địa chỉ và thời gian theo đúng quy định hành trình vận chuyển, không được phép xếp hàng khác ngoài hàng Bru chính.
- Đảm bảo việc bốc xếp hàng hóa được ngăn nắp, gọn gàng, đảm bảo thuận tiện giao nhận. Tuyệt đối không được quăng ném hàng hóa.
- Chủ động làm việc với các cơ quan Quản lý Nhà nước và chịu mọi chi phí trong quá trình xe vận chuyển trên đường; Chuẩn bị đầy đủ giấy tờ để cho phương tiện vận chuyển đi lại hợp lệ theo đúng quy định của Pháp luật.

3.2. Yêu cầu về phương tiện vận chuyển, sử dụng phần mềm quản lý:

* Phương tiện vận chuyển phải được trang bị sẵn hộp đen có tích hợp GPS. Trong quá trình thực hiện đơn hàng, Nhà thầu phải cung cấp thông tin truy cập GPS (đường link đăng nhập GPS, tên đăng nhập và mật khẩu) theo yêu cầu của chủ đầu tư để chủ đầu tư kiểm tra thông tin khi cần thiết.

* Quy định của phương tiện vận chuyển như sau:

- Các phương tiện đảm bảo thời gian hoạt động không quá 10 năm kể từ ngày sản xuất.
- Khoang chứa hàng của phương tiện vận chuyển phải sạch sẽ, không ướt, không có mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân bốc xếp, có đầy đủ bạt che mưa nắng, đảm bảo an toàn cho hàng hóa. Xe ô tô không bố trí thanh hàn cố định trong lòng thùng xe. Đối với xe tải thùng kín phải có cửa giao nhận bên hông xe. Tất cả các xe ô tô đều phải đảm bảo sàn thùng xe phẳng, không có rãnh để có thể di chuyển xe lồng 4 bánh (nếu có) trong thùng xe. Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo khả năng vận hành, đảm bảo an toàn hàng hoá và thực hiện đúng hành trình quy định, tránh phát sinh trường hợp phương tiện vận chuyển hỏng trong quá trình vận chuyển.

* Nhà thầu phải cài đặt, sử dụng phần mềm quản lý vận tải và các phần mềm khác có liên quan phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận, đối soát (nếu có) theo đúng quy định của Chủ đầu tư (hoặc bên thuê) (theo tài liệu và hướng dẫn vận hành do Chủ đầu tư cung cấp).

* Nhà thầu có cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho số hàng hóa của Chủ đầu tư do nhà thầu vận chuyển. Trong quá trình vận chuyển, nếu xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc bị suy suyền, móp méo (trong tất cả các tình huống, ngoại trừ yếu tố bất khả kháng được quy định tại Mục 16 Chương VI) thì nhà thầu phải đền bù số hàng hóa bị thiệt hại đó theo giá trị thực tế cho chủ đầu tư.

- Nhà thầu có cam kết trong vòng 03 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu phải bố trí xe theo đúng chủng loại đến địa điểm tại các địa chỉ theo yêu cầu để giao nhận vận chuyển hàng hóa;

- Nhà thầu có cam kết tự chịu trách nhiệm xin giấy phép ra, vào đường, phố cấm để đưa phương tiện vào giao, nhận hàng hóa tại các địa chỉ theo yêu cầu của chủ đầu tư; Cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về việc tại nạn xảy ra (nếu có);

- Nhà thầu có cam kết thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn lao động con người, phương tiện thiết bị, phòng chống cháy nổ và chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất, hư hại về con người, tài sản do lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

- Nhà thầu cam kết các nhân sự thực hiện gói thầu phải thực hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các cơ quan liên quan: Tuân thủ các quy định, chỉ dẫn có liên quan đến công tác phòng, chống dịch tại địa phương và các địa điểm giao, nhận hàng hoá.

3.3. Lái xe và nhân viên của Nhà thầu:

- Giấy phép lái xe phải phù hợp với xe được vận hành của tuyến đường thư trên.

- Lái xe không phải là người đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật;

- Lái xe phải có hợp đồng lao động theo quy định;

- Lái xe phải cài ứng dụng di động Mobile app phần mềm TMS.

- Lái xe và nhân viên của Nhà thầu phải xuất trình giấy tờ tùy thân hoặc bằng lái xe trước khi nhận hàng hóa tại địa điểm nhận hàng, tuân thủ nghiêm túc các nội quy, quy định tại địa điểm giao nhận hàng.

- Thái độ tôn trọng và nhã nhặn khi giao tiếp với khách hàng và đại diện của Chủ đầu tư.

- Thực hiện vận chuyển và bàn giao hàng hóa đến đúng địa chỉ nhận và đúng thời gian theo quy định. Phối hợp với các Bưu cục trong công tác giao nhận, đảm bảo hạ tải nhanh chóng.

- Lái xe có trách nhiệm nhận hàng và sắp xếp hàng hoá trên xe theo đúng yêu cầu: gọn gàng – chặt chẽ, đúng vị trí, không quăng ném, không cố tình tạo các khoảng trống, hàng nặng xếp dưới – hàng nhẹ xếp trên, giao nhận đầy đủ theo đúng chứng từ giao nhận.

Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hành vi nào vi phạm quy định trên.

3.4. Yêu cầu đáp ứng hành trình vận chuyển: Nhà thầu cần cam kết đáp ứng hành trình các tuyến đường thư chi tiết như sau:

a. Tuyến Yên Thế đi Bắc Giang đi Hà Nội:

TT	Mã BC	Tên bưu cục	Cự ly (km)	Giờ đến	Thời gian giao nhận	Giờ đi	Ghi chú
1	234700	Yên Thế		16:00	2:00	18:00	
2	235510	Nhã Nam	5	18:10	0:10	18h20	
3	235300	Tân Yên	7	18:30	0:45	19:15	
4	230100	KT Bắc Giang	20	20:00	1:00	21:00	Giao hàng NT(nếu có)
5	100910	HUB Kim Hoa	65	22:30			
6	100959	HUB Quang Minh	3				
7	100920	HUB HNNT	2				
		Tổng cộng	102				

Ghi chú: - Tần suất chạy 1 chuyến/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần;

- Tần suất và thời gian hành trình có thể thay đổi tùy theo lượng hàng thực tế từng thời điểm.

b. Tuyến Bắc giang đi Lục Ngạn đi Hà Nội:

TT	Mã BC	Tên bưu cục	Cự ly (km)	Giờ đến	Thời gian giao nhận	Giờ đi	Ghi chú
1	Lượt đi	KT Bắc Giang		12h30	30	13h00	
2		Chợ Sần	11	13h20	5	13h25	
3		Lục Nam	7	13h40	20	14h00	
4		Lục Ngạn	21	14h50	180	17h50	
		Cộng	39		235		
1	Lượt về	Lục Ngạn				17h50	
2		Đình Kim	9	18h10	10	18h20	
3		KHL Lục Ngạn	3	18h25	15	18h40	
4		Lục Nam	12	18h55	20	19h15	
5		KT Bắc Giang	18	19h40	120	21h40	
6		Hub Kim Hoa	65	23h00			
7		Hub Quang Minh	3				
8		Hub Hà Nội NT	2				
		Cộng	112		165		
		Tổng cộng	151		400		

Ghi chú:

- Tần suất chạy 1 chuyến/ngày, từ thứ 2 đến thứ chủ nhật hàng tuần;

- Tần suất và thời gian hành trình có thể thay đổi tùy theo lượng hàng thực tế từng thời điểm.

* Trong quá trình thực hiện hợp đồng chủ đầu tư có sự điều chỉnh hành trình đường thư theo tình hình tổ chức sản xuất tại từng thời điểm cụ thể.

3.5. Yêu cầu kỹ thuật khác:

- Trường hợp bất khả kháng, Nhà thầu muốn thay đổi phương tiện để thực hiện vận chuyển hàng thì phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư và được sự thống nhất của Chủ đầu tư mới được thay đổi.

- Nếu Nhà thầu tự ý thay đổi phương tiện (biển kiểm soát không đúng với thông tin phương tiện nhận chuyển) mà không có sự trao đổi, thống nhất với Chủ đầu tư, thì Bên A có quyền không thanh toán cước vận chuyển của chuyến xe đó.

- Trong quá trình vận chuyển nếu phát sinh tình huống bất thường, Nhà thầu thông báo ngay cho Chủ đầu tư để phối hợp giải quyết.

- Trường hợp biển kiểm soát xe trên chứng từ khác với biển kiểm soát xe được điều phối trên TMS, Chủ đầu tư tạm thời không thanh toán cước vận chuyển của chuyến xe. Nhà thầu phải thực hiện giải trình bằng văn bản, đồng thời gửi kèm thông tin đăng kiểm và đăng ký của xe có biển kiểm soát trên chứng từ để Chủ đầu tư có căn cứ xem xét lỗi vi phạm (nếu có) khi thực hiện đối soát vào kỳ thanh toán cước sau đó.

- Bố trí tối thiểu 01 lái xe/chuyến thư để phục vụ công tác giao nhận kịp thời, đảm bảo vận chuyển đúng hành trình quy định.

- Nhà thầu cam kết:

+ Có nhân viên điều hành trực 24/24. Cam kết thay thế nhân viên điều hành trong vòng 01 ngày nếu không đảm bảo yêu cầu công việc theo yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Nếu phương tiện vận chuyển của nhà thầu bị hỏng (phải chuyển tải, thời gian khắc phục kéo dài) từ 02 lần trở lên trong 02 tuần tham gia vận chuyển hàng hoá cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải thực hiện thay thế phương tiện khác. Chủ đầu tư sẽ loại phương tiện đó khỏi danh sách PTVC thực hiện gói thầu.

+ Nhà thầu cam kết đáp ứng quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo yêu cầu tại mục 5 chương V E-HSMT.

Mục 4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu nộp cùng E-HSMT bản trình bày về giải pháp và phương pháp luận để thực hiện dịch vụ phí tư vấn theo mẫu dưới đây:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác;

Mục 5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

A. Chủ đầu tư kiểm tra việc cung cấp dịch vụ theo cam kết về phạm vi, quy mô, tiến độ và đáp ứng về yêu cầu về kỹ thuật của nhà thầu cam kết tại E – HSDT và hợp đồng;

B. Tần suất kiểm tra: theo từng chuyến vận chuyển và được tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá theo tháng.

C. Quy trình gửi số liệu, đối soát như sau:

1. Quy trình xác nhận chứng từ:

- Căn cứ vào BD10 có xác nhận của đơn vị nhận hàng thành công, Bên B thực hiện chụp ảnh và cập nhật lên hệ thống phần mềm.

- Bên B gửi bảng kê chứng từ vận chuyển, toàn bộ bản giấy BD10 và biên bản giao nhận hàng hoá (nếu có) của các chuyến vận chuyển hoàn thành trong tháng trước cho Bên A theo chu kỳ quy định và trước 18h00 ngày 02 tháng kế tiếp.

- Bộ chứng từ vận chuyển (BD10 và biên bản giao nhận hàng hóa) hợp lệ phải bao gồm đầy đủ nội dung sau:

- + Chữ kí, họ tên đầy đủ của 3 Bên: Bên giao, Bên vận chuyển và Bên nhận;
- + Có dấu nhật ấn (dấu tròn trên BBGN hoặc dấu vuông in sẵn trên BD 10);
- + Đối với Biên bản giao nhận hàng hoá: Phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo mẫu kèm theo: Tên đơn vị vận chuyển, biển kiểm soát xe, tình trạng xe khi đến nhận hàng, số lượng túi kiện, khối lượng vận chuyển đã giao lên.

Trường hợp thiếu các thông tin nêu trên, Bên B sẽ bị ghi nhận lỗi vi phạm đối với chuyến vận chuyển.

- Chu kỳ gửi chứng từ:

Bên B thực hiện gửi chứng từ theo chu kỳ, đảm bảo thời hạn Bên A nhận được chứng từ kèm bảng kê chuyến vận chuyển như sau:

+ Ngày 15 hàng tháng: gửi chứng từ các chuyến từ ngày 01 đến ngày 15 trong tháng;

+ Trước 18h00 ngày 02 hàng tháng: gửi chứng từ các chuyến từ ngày 16 đến hết ngày cuối cùng của tháng trước đó, phục vụ công tác đối soát và thanh toán.

- Các chuyến xe có đủ xác nhận của Bên B và xác nhận đến của đơn vị nhận hàng, có Bộ chứng từ vận chuyển hợp lệ và gửi Bên A nhận được trước 18h00 ngày 02 của tháng kế tiếp tháng thực hiện chuyến vận chuyển sẽ được đối soát để xác định phí vận chuyển trong tháng.

2. Quy trình gửi số liệu và đối soát:

Đối soát lỗi vi phạm và mức phạt hợp đồng theo quy định:

- Ngày 02 hàng tháng: Bên A tổng hợp lỗi vi phạm và mức phạt (nếu có) của các chuyến vận chuyển từ ngày 01 đến ngày 30 tháng trước, gửi Bên B xác nhận. Lỗi vi phạm (nếu có) sẽ được khấu trừ vào cước vận chuyển của tháng.

- Trước ngày 05 hàng tháng: Bên B gửi danh sách các đơn hàng hoàn thành có đủ chứng từ và biên bản xác nhận thanh toán cước tháng trước cho Bên A.

- Trong vòng 01 ngày làm việc tiếp theo: Bên A xác nhận số chuyến, tính cước và mức phạt (nếu có), lập biên bản xác nhận cước kèm đề nghị xuất hóa đơn gửi Bên B. Bên B xuất hóa đơn trước ngày 07 hàng tháng.

Lưu ý: Nếu có chênh lệch số liệu chưa xác định được, hai Bên tạm xác nhận theo số liệu của Bên A. Chênh lệch sẽ được điều chỉnh vào tháng sau, không ảnh hưởng đến tiến độ đối soát.

D. Phạt vi phạm hợp đồng:

1. Bên B phải bố trí phương tiện vận chuyển theo đúng quy định. Nếu không thực hiện đúng sẽ bị phạt với các mức tương ứng như sau:

1.1. Phạt vi phạm khi bên B điều phối bố trí phương tiện không đúng quy định và yêu cầu về dung tích lòng thùng xe:

a. Quy định về tỷ lệ sai lệch dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận chuyển như sau:

$$\text{Tỷ lệ sai lệch dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận chuyển} = \frac{\text{Dung tích lòng thùng xe tối thiểu theo quy định} - \text{Dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận chuyển}}{\text{Dung tích lòng thùng xe tối thiểu theo quy định}}$$

Trong đó:

- Dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận chuyển được làm tròn đến chữ số phần mười sau phần thập phân (ví dụ: dung tích lòng thùng của phương tiện vận chuyển là 53,39 m³ làm tròn thành 54,4 m³; dung tích lòng thùng của phương tiện vận chuyển là 53,34 m³ làm tròn thành 53,3 m³).

- Dung tích lòng thùng xe tối thiểu theo quy định như sau:

STT	Loại tải trọng xe Bên A yêu cầu	Dung tích lòng thùng xe tối thiểu theo quy định (m ³)
1	Xe từ 6 tấn	53

b. Trong trường hợp Bên B điều phối, bố trí phương tiện có dung tích lòng thùng xe thấp hơn dung tích lòng thùng xe tối thiểu theo quy định thì mức phạt được xác định như sau:

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận chuyển $\leq 15\%$: Phạt 15% cước vận chuyển của chuyến vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của dung tích lòng thùng xe của phương tiện vận

chuyển > 15% : Phạt 50% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

1.2. Phạt vi phạm khi Bên B điều phối, bố trí phương tiện có Khối lượng hàng CC CP TGGT thấp hơn Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định.

a. Quy định về tỷ lệ sai lệch của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển được xác định như sau:

$$\frac{\text{Tỷ lệ sai lệch của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển}}{\text{Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định}} = \frac{\text{Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển} - \text{Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định}}{\text{Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định}}$$

Trong đó:

- Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển là Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển Bên B đã điều phối, bố trí cho đơn hàng.

- Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định được xác định như sau:

ST T	Loại tải trọng xe Bên A yêu cầu	Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định (kg)
1	X từ 6 tấn	6.000

b. Trong trường hợp Bên B điều phối, bố trí phương tiện có Khối lượng hàng CC CP TGGT thấp hơn Khối lượng hàng CC CP TGGT tối thiểu theo quy định thì mức phạt được xác định như sau:

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $\leq 1\%$: Phạt 1% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $> 1\%$ và $\leq 3\%$: Phạt 3% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $> 3\%$ và $\leq 6\%$: Phạt 5% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $> 6\%$ và $\leq 10\%$: Phạt 10% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $> 10\%$ và $\leq 13\%$: Phạt 15% cước vận chuyển của chuyển vi phạm.

- Nếu tỷ lệ sai lệch (thiếu) của Khối lượng hàng CC CP TGGT của phương tiện vận chuyển $> 13\%$: Bên A có quyền đơn phương huỷ đơn hàng và Bên B sẽ

phải chịu phạt 30% cước khớp lệnh của đơn hàng đã hủy; hoặc để đảm bảo lưu thoát hàng hoá Bên A vẫn thực hiện xếp hàng vận chuyển, tuy nhiên Bên B sẽ phải chịu phạt 50% cước vận chuyển của chuyến vi phạm.

1.3. Phạt vi phạm khi Bên B bố trí phương tiện không đáp ứng quy định

a. Nếu Bên B điều phối, bố trí xe ô tô tải thùng kín mà không có cửa giao nhận bên hông: Phạt 100% cước vận chuyển của chuyến vi phạm đồng thời loại phương tiện vận chuyển vi phạm khỏi danh sách phương tiện của Bên B.

b. Nếu Bên B bố trí xe ô tô tải có rãnh tại sàn thùng: Phạt 20% cước vận chuyển của chuyến vi phạm.

c. Nếu Bên B bố trí xe có thanh hàn cố định trong lòng thùng xe khiến Bên A không xếp xe lồng hiệu quả: Phạt 30% cước vận chuyển của chuyến vi phạm.

d. Nếu Bên B bố trí phương tiện có khoang chứa hàng ướt, bẩn, có mùi khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân bốc xếp hoặc xe có bạt che mưa nắng không đảm bảo an toàn cho hàng hóa: Phạt 30% cước của chuyến vi phạm.

2. Bên B phải thực hiện đúng lộ trình, thời gian hành trình theo quy định của Bên A. Nếu không thực hiện đúng sẽ bị phạt với các mức tương ứng như sau:

2.1. Phạt vi phạm khi Bên B thực hiện thời gian hành trình không đúng quy định:

- Nếu Bên B bố trí phương tiện đến nhận hàng chậm so với thời gian yêu cầu: Phạt 15% cước vận chuyển của chuyến xe đến nhận hàng chậm cho 01 giờ chậm đầu tiên. Mỗi giờ chậm tiếp theo phạt 6% cước vận chuyển của chuyến xe đến nhận hàng chậm (trừ các lỗi bất khả kháng được Bên A chấp nhận).

- Nếu hành trình thực hiện (tổng thời gian thực hiện hành trình của chuyến xe) chậm so với hành trình quy định:

- + Hành trình thực hiện chậm dưới 01 giờ (≤ 30 phút) so với hành trình quy định: Không phạt cước;

- + Hành trình thực hiện chậm từ 01 giờ (> 30 phút) trở lên so với hành trình quy định: Phạt 15% cước vận chuyển của chuyến xe chậm hành trình cho 01 giờ chậm đầu tiên. Mỗi giờ chậm tiếp theo phạt 6% cước vận chuyển của chuyến xe chậm hành trình.

- Bên A sẽ xem xét loại trừ lỗi hành trình thực hiện chậm so với hành trình quy định trong các trường hợp bất khả kháng: Thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, sự cố giao thông, chậm bàn giao hàng hóa do lỗi Bên A.

- Nguyên tắc làm tròn số liệu khi xác định thời gian phương tiện đến nhận hàng chậm, thời gian chậm hành trình: Tính tròn thời gian chậm theo giờ. Nếu số lẻ sau hàng đơn vị của tổng thời gian chậm lớn hơn hoặc bằng năm (≥ 5) thì làm tròn thêm một (01) giờ, nếu nhỏ hơn năm (< 5) thì giữ nguyên.

Ví dụ: Thời gian chậm là 1,6 giờ thì tính làm tròn lên thành 02 giờ; Thời gian chậm là 1,3 giờ thì tính làm tròn xuống thành 01 giờ.

- Tùy theo mức độ vi phạm, Bên A có quyền xem xét loại các phương tiện thực hiện các chuyển vận chuyển vi phạm lỗi về thời gian hành trình không đúng quy định khỏi danh sách phương tiện được thực hiện hợp đồng.

2.2. Phạt vi phạm khi Bên B thay đổi lộ trình, hành trình giao nhận (thêm, bớt, thay đổi thứ tự điểm giao nhận) mà chưa có sự đồng ý của Bên A: Phạt 50% cước vận chuyển của chuyển vi phạm và loại phương tiện vận chuyển ra khỏi danh sách phương tiện vận chuyển của Bên B.

3. Phạt do Bên B không thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu liên quan đến chứng từ vận chuyển:

3.1 Nếu Bên B quét thiếu BĐ10:

- Nếu Bên B chủ động thông báo cho Bên A biết các BĐ10 quét thiếu: Phạt 10% cước vận chuyển cho mỗi BĐ10 quét thiếu.

- Nếu Bên B không thông báo cho Bên A, qua rà soát Bên A phát hiện các BĐ10 quét thiếu:

Bên A sẽ thực hiện phạt 50% cước vận chuyển cho chuyển quét thiếu BĐ10, đồng thời, thực hiện phạt khấu trừ cước vận chuyển của phần khối lượng thiếu do quét thiếu BĐ10 theo nguyên tắc sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị phạt} \\ = \end{array} \quad \begin{array}{l} 50\% \text{ cước} \\ \text{vận chuyển} \\ \text{của chuyển} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Cước vận chuyển của chuyển * Khối} \\ \text{lượng vận chuyển thiếu do quét thiếu} \\ \text{BĐ10} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng khối lượng vận chuyển quét đủ} \\ \text{BĐ10 của chuyển} \end{array}}$$

Trong đó:

+ Khối lượng vận chuyển thiếu do quét thiếu BĐ10 là tổng khối lượng hàng hoá/bưu gửi của các BĐ10 bị quét thiếu của chuyển thư.

+ Tổng khối lượng vận chuyển quét đủ BĐ10 của chuyển là Tổng khối lượng hàng hoá/bưu gửi của tất cả các BĐ10 của chuyển thư.

(Mức phạt tối đa là 100% cước của chuyển vận chuyển áp dụng cho cả trường hợp quét thiếu BĐ10 có thông báo và quét thiếu BĐ10 không thông báo)

3.2 Phạt do Bên B không thực hiện đúng quy định về chu kỳ bàn giao bộ chứng từ vận chuyển:

- Phạt 1% cước vận chuyển của mỗi đơn hàng nếu Bên B bàn giao bộ chứng từ vận chuyển không theo đúng quy định về chu kỳ gửi chứng từ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng. Các chuyển vận chuyển từ ngày 27 đến hết ngày cuối cùng của tháng nếu Bên A nhận được trước 18h00 ngày 04 của tháng kế tiếp thì sẽ không bị phạt nộp chứng từ không đúng chu kỳ.

- Phạt bổ sung: Phạt 2% cước vận chuyển của mỗi đơn hàng/mỗi tháng nộp bộ chứng từ vận chuyển chậm. Bộ chứng từ vận chuyển được coi là nộp chậm khi Bên A nhận được bộ chứng từ vận chuyển sau 18h00 ngày 04 của tháng kế tiếp. Sau thời gian 02 tháng kể từ tháng đã thực hiện chuyển vận chuyển mà Bên B

không gửi bộ chứng từ vận chuyển, Bên A sẽ không đối soát, thanh toán cước vận chuyển của chuyến vận chuyển đó.

3.3. Phạt do bộ chứng từ vận chuyển Bên B bàn giao thiếu một hoặc các thông tin theo quy định về bộ chứng từ hợp lệ:

a. Trên BBN/BĐ10 của các điểm giao nhận mà thiếu một trong các thông tin: Chữ kí, họ tên đầy đủ của các Bên liên quan (Bên giao, Bên vận chuyển và Bên nhận) thì bị phạt 1% cước vận chuyển của chuyến.

b. Trên BBN/trên BĐ10 của các điểm giao nhận không có dấu nhật ấn (dấu tròn trên BBN hoặc dấu vuông in sẵn trên BĐ10) thì bị phạt 1% cước vận chuyển của chuyến.

4. Phạt do thực hiện thao tác trên TMS/APP không đúng quy định

4.1. Nếu lái xe của bên B thực hiện thao tác trên TMS/APP không đúng quy định thì bị phạt cước vận chuyển, cụ thể như sau:

- Thao tác ra vào điểm không đúng hành trình quy định: Phạt 10% cước vận chuyển.

- Quét BĐ10 không đúng quy định: Phạt 5% cước vận chuyển cho mỗi điểm giao nhận có BĐ10 quét sai. BĐ10 quét không đúng quy định gồm các trường hợp sau:

+ Thời gian quét BĐ10 lên chênh lệch so với thời gian ra điểm > 30 phút.

+ Thời gian quét BĐ10 xuống chênh lệch so với thời gian vào điểm > 30 phút.

+ Thời gian quét 01 BĐ10 lên và xuống chênh lệch ≤ 05 phút.

4.2. Xử lý phương tiện vi phạm lặp lại lỗi “quét BĐ10 không đúng quy định” hàng tháng:

- Phương tiện do Bên B sử dụng có từ 15 điểm giao nhận trở lên phát sinh lỗi “quét BĐ10 không đúng quy định” trong tháng sẽ bị Bên A loại khỏi danh sách phương tiện của Bên B.

- Thời điểm áp dụng khóa phương tiện: Việc khóa phương tiện khỏi danh sách phương tiện được thực hiện từ ngày 05 của tháng kế tiếp, sau khi Bên A hoàn tất tổng hợp và xác nhận kết quả vi phạm.

- Thông báo xử lý: Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B nêu rõ căn cứ và kết quả vi phạm làm cơ sở xử lý.

- Việc mở khóa phương tiện sẽ được thực hiện sau khi hết thời gian khóa và Bên B có văn bản cam kết, đề nghị mở khóa.

5. Nếu Bên B không bố trí được lái xe để thực hiện hoạt động vận chuyển cho Bên A đối với các chuyến thư: Phạt 15% giá cước vận chuyển của chuyến vi phạm.

6. Bên B chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho số hàng của Bên A đã thuê vận chuyển; Trong quá trình vận chuyển, nếu Bên vận chuyển để xảy

ra mất mát, hư hỏng hoặc bị suy giảm (trong tất cả các tình huống không ngoại trừ bất kỳ yếu tố nào) thì Bên B có trách nhiệm giải quyết, bồi thường theo giá trị thực tế cho Bên A.

7. Tất cả các lỗi vi phạm, chi phí bồi thường (nếu có phát sinh) sẽ được Bên A tổng hợp và gửi sang Bên B để kiểm tra, xác nhận đồng thời cùng với việc đối soát phí vận chuyển hàng tháng, làm cơ sở để thực hiện khấu trừ cước vận chuyển của Bên B.

MẪU BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA
(Kèm theo hợp đồng số/HĐVC/BĐBN-...)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã DI

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG BƯU CHÍNH

Căn cứ hợp đồng (đã ký) giữa Bưu điện Bắc Ninh - Chi nhánh Tổng công ty Bưu điện Việt Nam với đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng xe ô tô;

Hôm nay, ngàytháng..... năm 2026, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (giao hàng): Trung tâm/BĐT/TP

- Địa chỉ:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ.....; SĐT.....

2. Bên B (vận chuyển):.....(Tên đối tác)

- Người thực hiện vận chuyển (Lái xe):..... Số ĐT:.....

- Biên kiểm soát:..... Tài trọng xe.....

3. Nội dung:

a) Bên A (trực tiếp là bộ phận giao hàng tại điểm đầu của hành trình) đã kiểm tra đầy đủ các nội dung phương tiện đảm bảo an toàn hàng hóa, bao gồm:

TT	Nội dung kiểm tra (*)	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Khoang chứa hàng của phương tiện vận chuyển sạch sẽ, không ướt, không có mùi khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân bốc xếp			
2	Sàn thùng xếp hàng phẳng, không có rãnh			
3	Xe ô tô 6 tấn thùng dài không bố trí thanh hàn cố định trong lòng thùng, không ảnh hưởng đến việc xếp xe lồng chứa hàng			
4	Trường hợp đối tác bố trí xe thùng bạt phải có đầy đủ bạt che mưa nắng, đảm bảo an toàn cho hàng hóa **			
5	Trường hợp đối tác bố trí xe thùng kín yêu cầu có cửa giao nhận bên hông xe ***			
6	Những vấn đề phát sinh (nếu có):			

Lưu ý:

* Mỗi nội dung kiểm tra đạt yêu cầu thì đánh dấu X vào cột “Đạt” ở dòng tương ứng. Ngược lại, đánh dấu X vào cột “Không đạt”.

** Đối với xe tải thùng bạt kiểm tra các nội dung (1), (2), (3) và (4).

*** Đối với xe tải thùng kín kiểm tra các nội dung (1), (2), (3) và (5).

b) Bên B đã kiểm tra đầy đủ tình trạng kỹ thuật xe trước khi lăn bánh (đảm bảo an toàn kỹ thuật) theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước và chịu trách nhiệm về an toàn trong quá trình tham gia giao thông.

c) Các bên cùng nhau tiến hành giao nhận, vận chuyển hàng bưu chính với số lượng, địa điểm giao hàng như sau:

TT	Địa điểm nhận hàng	Số lượng (túi/kiện)	Khối lượng (kg)	Địa điểm giao hàng
1				
2				

Bên vận chuyển có trách nhiệm vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo đúng địa chỉ, đúng số lượng hàng hóa ghi trên BBGN này kèm phiếu giao nhận chuyển thư BĐ10 và đúng thời gian hành trình quy định.

Biên bản giao nhận được lập thành 02 bản có nội dung như nhau, đơn vị giao hàng giữ 01 bản, bên vận chuyển giữ 01 bản.

Các bên thống nhất nội dung nêu trên và cùng ký xác nhận.

BÊN GIAO

*(ký ghi rõ họ tên, dấu
ấn)*

ĐỐI TÁC VẬN CHUYỂN

(ký ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN 1

*(ký ghi rõ họ tên, dấu
ấn)*

BÊN NHẬN 2

*(ký ghi rõ họ tên, dấu
nhật ấn)*

BÊN NHẬN 3

*(ký ghi rõ họ tên, dấu
nhật ấn)*

Ghi chú:

1. Trường hợp giao nhận hàng từ 02 địa chỉ trở lên, đơn vị giao hàng đầu tiên sẽ lập biên bản giao nhận hàng bưu chính và để các dòng tương ứng với mỗi nơi nhận hàng;
2. Mọi bất thường cần ghi rõ nội dung chủ yếu lên BBGN và có Biên bản nghiệp vụ đính kèm.